

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày: 22-10-2021

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

Và tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị T - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 06/TB-TA ngày 18-7-2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 09/TB-TA ngày 24-9-2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 9, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh T (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 2, Ô 3, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh T (vắng mặt).

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ô 1, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-4-2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày:

Bà Trần Ngọc T là thành viên tham gia nhiều dây hội do bà N làm chủ, cụ thể các dây hội như sau:

1. Ngày 02-4-2019, bà N khai 03 dây hội:

+ *Dây hội thứ nhất:*

Có 16 phần (mỗi phần gọi là 01 kỳ, 16 phần được chia thành 16 kỳ), tất cả các hội viên hót đều phải bỏ kỳ của mình ra, chỉ được hót 15 kỳ. Mỗi phần chơi là 1.000.000đ (một triệu đồng), khai hội ngày 02-4-2019, mần hội ngày 02-6-2020 (ngày 02-7-2020 mới mần hội nhưng do năm 2019 là năm nhuận có 02 tháng 4 nên đến ngày 02-6-2020 là mần hội). Trong dây hội thành viên nào bỏ số tiền cao nhất thì sẽ được hót hội trước. Dây hội này bà T (gọi là T C) chơi 02 phần.

Phần thứ nhất: Bà T bỏ ra 200.000đ cao nhất nên được hót kỳ đầu còn gọi là tháng thứ nhất tức ngày 02-4-2019 (có nghĩa bà T phải chịu lỗ 200.000đ cho mỗi phần hội, thay vì mỗi hội viên chưa hót hội phải đóng 1.000.000đ cho 01 phần chơi của mình thì nay chỉ cần đóng 800.000đ cho chủ hội). Do bà T hót đầu nên phải chịu lỗ 15 người x 200.000đ = 3.000.000đ + 350.000đ (tiền hoa hồng cho chủ hội) = 3.350.000. Như vậy, bà T hót được số tiền là 15.000.000đ (15 phần) - 3.000.000đ (tiền phải chịu lỗ do hót trước) - 350.000đ (tiền hoa hồng cho chủ hội) = 11.650.000đ đây là số tiền bà T thực chất được hót.

Phần thứ hai: Còn gọi là kỳ thứ 2 (tức ngày 02-5-2019), kỳ này bà T bỏ ra 180.000đ cao nhất trong các phần còn lại nên bà T được tiếp tục hót hội. Kỳ này bà T phải chịu lỗ số tiền là 14 người x 180.000đ = 2.520.000đ + 350.000đ (tiền hoa hồng cho chủ hội) = 2.870.000đ. Kỳ này bà T hót được 15.000.000đ - 2.870.000đ = 12.130.000đ.

Như vậy, trong dây hội này 02 kỳ liên tiếp bà T hót được tổng cộng số tiền 23.780.000đ. 14 kỳ tiếp theo bà T phải đóng hội chết cho chủ hội, do bà T chơi 02 phần nên mỗi tháng (tức mỗi kỳ) bà T phải đóng số tiền cố định cho chủ hội là 2.000.000đ cho đến khi mần hội. Bà T đã đóng được 06 kỳ đầu là 12.000.000đ cho chủ hội (tức bà N); còn lại 08 kỳ bà T chưa đóng. Để đảm bảo duy trì dây hội cho các thành viên chưa hót, bà N phải bỏ tiền của cá nhân ra đóng thế cho bà T để các hội viên khác hót. Dây hội này bà T còn nợ bà N tổng số tiền 16.000.000đ.

+ *Dây hội thứ hai:*

Dây hội này cũng có 16 phần, mỗi phần chơi là 1.000.000đ, khai hội là ngày 02-4-2019, mần hội là ngày 02-6-2020. Dây này bà T (gọi là T C) chơi 02 phần:

Phần thứ nhất: Bà T bỏ ra 200.000đ cao nhất nên được hốt kỳ đầu tức ngày 02-4-2019. Tương tự như dây hui trên, bà T phải chịu lỗ 15 người x 200.000đ = 3.000.000đ + 350.000đ (tiền hoa hồng cho chủ hui) = 3.350.000. Như vậy, bà T hốt được số tiền là 15.000.000đ - 3.000.000đ - 350.000đ = 11.650.000đ.

Phần thứ hai: Phần này bà T bỏ ra 180.000đ nên được hốt kỳ thứ 3 (tức ngày 02-6-2019). Bà T phải chịu lỗ 13 người x 180.000đ = 2.340.000đ + 350.000đ = 2.690.000đ. Bà T hốt được số tiền 15.000.000đ - 2.690.000đ = 12.310.000đ.

Như vậy, trong dây hui này kỳ 1 và kỳ 3 bà T hốt được tổng cộng số tiền là 23.960.000đ, số kỳ còn lại bà T phải đóng hui chết cho chủ hui, do bà T chơi 02 phần nên mỗi tháng bà T phải đóng số tiền cố định cho chủ hui là 2.000.000đ cho đến khi mãn hui. Bà T đã đóng được 05 kỳ tương đương 10.000.000đ, còn 08 chưa đóng. Bà N phải bỏ tiền ra đóng thế cho bà T để các hui viên khác hốt. Do đó, dây hui này bà T còn nợ bà N tổng số tiền 16.000.000đ

+ *Dây hui thứ ba:*

Có 16 phần mỗi phần chơi là 1.000.000đ, khai hui là ngày 02-4-2019, mãn hui là ngày 02-6-2020. Dây này bà T (gọi là T C) chơi 03 phần. Bà T là người hốt 03 kỳ đầu liên tiếp (tức ngày 02-4-2019; ngày 02-5-2019 và ngày 02-6-2019).

Phần thứ nhất: Bà T bỏ 200.000đ nên hốt kỳ đầu. Bà T phải chịu lỗ 15 người x 200.000đ = 3.000.000đ + 350.000đ = 3.350.000đ. Như vậy, bà T hốt được số tiền là 15.000.000đ - 3.350.000đ = 11.650.000đ .

Phần thứ hai: Bà T bỏ 180.000đ được hốt kỳ thứ 2. Bà T phải chịu lỗ 14 người x 180.000đ = 2.520.000đ + 350.000đ = 2.870.000đ. Như vậy, bà T hốt được số tiền là 15.000.000đ - 2.870.000đ = 12.130.000đ .

Phần thứ ba: Bà T bỏ 180.000đ nên bà T tiếp tục được hốt hui kỳ thứ 3. Bà T phải chịu lỗ 13 người x 180.000đ = 2.340.000đ + 350.000đ = 2.690.000đ. Như vậy, bà T hốt được số tiền là 15.000.000đ - 2.690.000đ = 12.310.000đ.

Như vậy, trong dây hui này kỳ thứ 1, thứ 2 và kỳ thứ 3 bà T hốt được tổng cộng số tiền là 36.090.000đ, số kỳ còn lại bà T phải đóng hui chết cho chủ hui, do bà T chơi 03 phần nên mỗi kỳ bà T phải đóng số tiền cố định cho chủ hui là 3.000.000đ cho đến khi mãn hui. Bà T đã đóng được 05 kỳ; còn 08 chưa đóng nên bà N phải bỏ tiền ra đóng thế cho bà T để các hui viên khác hốt. Trong dây hui này bà T còn nợ bà N tổng số tiền 24.000.000đ.

2. Ngày 05-11-2019, bà N khai 01 dây hui:

Dây hui này có 14 phần (được chia thành 14 kỳ), mỗi phần chơi là 1.000.000đ (một triệu đồng), khai hui là ngày 05-11-2019, mãn hui là ngày 05-12-2020, trong dây này bà T (gọi là T C) chơi 02 phần.

Phần thứ nhất: Bà T bỏ ra 200.000đ cao nhất so với các hui viên khác nên bà T được hốt hui kỳ đầu (tức ngày 05-11-2019). Bà T phải chịu lỗ 13 người x 200.000đ = 2.600.000đ + 350.000đ = 2.950.000đ. Như vậy, bà T hốt được số tiền

là $13.000.000đ - 2.950.000đ = 10.035.000đ$. Cũng trong kỳ này bà T bán phần hui còn lại cho bà N (tức là bà N đưa cho bà T số tiền 10.035.000đ). Tổng cộng kỳ này bà T hốt được 20.070.000đ.

Những kỳ còn lại bà T phải đóng hui chết cho chủ hui là 13 kỳ x $2.000.000đ = 26.000.000đ$. Tuy nhiên, trong đây này bà T chưa đóng kỳ nào cho bà N do đó bà T còn nợ lại bà N tổng số tiền là 26.000.000đ.

3. Ngày 10-11-2019, bà N khai 02 dây hui:

+ *Dây hui thứ nhất:*

Dây hui này có 14 phần, chia thành 14 kỳ, mỗi phần chơi là 1.000.000đ, khai hui là ngày 10-11-2019, mãn hui là ngày 10-12-2020, trong đây này bà T (gọi là T C) chơi 01 phần. Bà T bỏ 200.000đ cao nhất so với các hui viên khác nên bà T được hốt kỳ đầu. Bà T phải chịu lỗ 13 người x $200.000đ = 2.600.000đ + 350.000đ = 2.950.000đ$. Như vậy, bà T hốt được $13.000.000đ - 2.950.000đ = 10.035.000đ$. Kỳ này bà T phải đóng 13.000.000đ hui chết nhưng bà T chưa đóng được kỳ nào nên bà N phải bỏ số tiền này ra để cho các hui viên khác hốt. Do đó, bà T còn nợ lại bà N số tiền là 13.000.000đ

+ *Dây hui thứ hai:*

Dây hui này có 14 phần, chia thành 14 kỳ, mỗi phần chơi là 1.000.000đ (một triệu đồng), khai hui ngày 10-11-2019, mãn hui ngày 10-12-2020, trong đây này bà T (gọi là T C) chơi 01 phần, bà T bỏ ra 200.000đ cao nhất để hốt hui kỳ đầu. Bà T phải chịu lỗ 13 người x $200.000đ = 2.600.000đ + 350.000đ = 2.950.000đ$. Như vậy, bà T hốt được $13.000.000đ - 2.950.000đ = 10.035.000đ$. Tuy nhiên, bà T bán lại cho bà N vì vậy số tiền 10.035.000đ bà N phải đưa cho bà T. Những kỳ còn lại bà T phải đóng hui chết cho bà N 1.000.000đ. Còn lại 13 kỳ tương đương 13.000.000đ bà T chưa đóng nên bà T còn nợ lại bà N số tiền là 13.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền bà T còn nợ hui bà N là 108.000.000đ (một trăm linh tám triệu đồng).

Ngoài ra, ngày 16-12-2019, bà T kẹt vốn lấy hàng nên có mượn đỡ bà N số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) không tính lãi, hai bên không làm giấy tờ. Sau khi chơi hui bà T không đóng hui chết cho bà N và bà N nghe thông tin bà T bể nợ bỏ trốn, sau đó bà T quay về thì ngày 15-02-2020 bà N đến nhà bà T chốt lại nợ cả tiền vay và tiền hui là 200.000.000đ (trong đó 100.000.000đ tiền vay và 108.000.000đ tiền chơi hui nhưng bà N chỉ tính tròn 100.000.000đ chẵn).

Bà N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T trả số tiền trên nhưng không được. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T thanh toán cho bà N số tiền tổng cộng là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, bà N không yêu cầu gì thêm.

Bà N xác nhận đây là khoản tiền riêng của bà N, không liên quan đến chồng hay người nào khác.

Đối với bị đơn bà Trần Ngọc T: Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã triệu tập hợp lệ nhưng bà T không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được lời khai của bà T.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Trần Thị Ngọc L trình bày:

Bà là thành viên của các dây hội do bà Trần Thị Kim Nhung làm chủ, bà biết bà Trần Ngọc T thông qua việc chơi hội chung với nhau. Bà có chơi 04 dây hội, 02 dây khui ngày 05-11-2019 và 02 dây khui ngày 10-11-2019. Trong 04 dây này đều có bà Trần Ngọc T (tức T c) chơi. Mỗi dây có 14 phần. Mỗi phần hội góp là 1.000.000đ nhưng người còng hốt trước thì đóng hội chết cao hơn so với người hốt sau và người hốt hội phải trừ lại tiền hoa hồng cho chủ hội. Những lần đóng hội bà có nghe bà N than vãn việc bà T không đóng tiền hội nên bà N phải bỏ tiền túi của mình ra để đóng thay cho bà T. Còn bà T bỏ tiền ra bao nhiêu thì bà không biết, bà T nợ bà N bao nhiêu tiền bà cũng không rõ. Hiện nay, bà được biết bà T bỏ trốn do nợ nần nhiều.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Lê Thị Ngọc N trình bày:

Bà cũng là thành viên của các dây hội do Bà Trần Thị Kim N làm chủ hội. Bà có chơi 04 dây hội, 02 dây khui ngày 02-4-2019 và 02 dây khui ngày 15-11-2019. Trong 04 dây này có 02 dây khui ngày 02-4-2019 bà Trần Ngọc T (tức T c) tham gia chơi. Mỗi dây có 16 phần. Mỗi phần hội góp là 1.000.000đ nhưng người còng hốt trước thì đóng hội chết cao hơn so với người hốt sau. Hội chơi theo tháng nên hàng tháng chủ hội đến nhà thu tiền, đến lượt ai được hốt hội thì trả tiền hoa hồng cho chủ hội.

Những lần đóng hội bà có nghe bà N than vãn việc bà T không đóng tiền hội nên bà N phải bỏ tiền túi của mình ra để đóng thay cho bà T. Còn bỏ bao nhiêu tiền thì bà không biết, bà T nợ bà N bao nhiêu tiền bà cũng không rõ. Hiện nay, bà được biết bà T bỏ trốn do nợ nần nhiều.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không chấp hành. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định từ ngày 02-4-2019 đến ngày 11-10-2019 bà N là người tổ chức các dây hội cho các thành viên tham gia chơi, trong đó có bà T. Thời gian đầu bà T có đóng tiền cho bà N nhưng còng về sau bà T không đóng tiền hội chết cho bà N, buộc bà N phải tự bỏ tiền cá nhân của mình để đóng thế cho bà T. Tổng số tiền bà N đóng thế cho bà T là 108.000.000đ. Ngoài ra, bà T có vay tiền của bà N 100.000.000đ để lấy hàng. Sau khi vay xong bà được thời gian ngắn bà T bỏ trốn. Đến ngày 15-02-2020, bà

T trở về thì bà N đến chốt lại số nợ, tổng cộng cả tiền nợ hui và tiền vay là 200.000.000đ. Tòa án đã triệu tập bà T nhiều lần để làm việc nhưng không có ý kiến phản hồi. Do đó, đề Nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Kim N yêu cầu bị đơn bà Trần Ngọc T phải trả nợ phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản và tham gia góp hui nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng góp hui và Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập 2 lần hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, xét xử vắng mặt bà T là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người làm chứng bà Trần Thị Ngọc L và bà Lê Thị Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Lan và bà N là đúng theo quy định tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với ông Phan Văn Bí là chồng của bà N và ông Lâm Minh Hảo là chồng của bà T xác nhận đây là giao dịch riêng và khoản tiền riêng của bà N, bà T. Hai ông không biết vụ việc tranh chấp và không liên quan, có đơn đề nghị Tòa án không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không đưa ông Bí và ông Hảo vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N về việc yêu cầu bà Trần Ngọc T phải trả số tiền 200.000.000 đồng, trong đó tiền tiền nợ chơi hui là 100.000.000đ và tiền vay là 100.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Bà Trần Ngọc T là thành viên chơi hui rất uy tín từ lâu do bà Trần Thị Kim N làm chủ. Do đó, bà T tham gia rất nhiều phần trong nhiều dây hui do bà N tổ chức. Trong các ngày 02-4-2019; 05-11-2019 và ngày 10-11-2019 số hui bà T tham gia gồm có 06 dây 11 phần. Bà T đã hót được tổng số tiền trong các dây hui là 123.970.000đ, số hui mà bà T còn phải đóng là 145.000.000đ.

Tuy nhiên, bà T đã đóng được 37.000.000đ còn lại chưa đóng là 108.000.000đ, số tiền bà T chưa đóng này bà N phải tự bỏ tiền ra để đóng thay cho phần của bà T nhằm đảm bảo cho các hội viên tham gia hót hội được đầy đủ và nhận đúng số tiền mà mình được hưởng. Mặc dù trong giấy tờ theo dõi hội của bà N, bà T không ký nhận nợ hội là bao nhiêu, của dây hội nào. Tuy nhiên, ngày 15-02-2020 giữa bà N và bà T ký với nhau biên bản “giấy giao nhận tiền”, theo đó bên giao là bà Trần Thị Kim N và bên nhận là bà Trần Ngọc T. Nội dung của giấy giao nhận tiền như sau: “*Căn cứ vào thỏa thuận việc cho vay tiền, giấy biên nhận nhận tiền này xác nhận ông/bà N đã bàn giao số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho bà Trần Ngọc T*”. Số tiền này không thể hiện khoản nào là tiền vay và khoản nào là tiền nợ hội.

Lời khai của người làm chứng bà Trần Thị Ngọc L và bà Lê Thị Ngọc N là thành viên góp hội cùng dây với bà T nên xác nhận bà Trần Ngọc T có tham gia chơi hội do bà N làm chủ, có nghe bà N than vãn bà T không chịu đóng tiền hội. Từ đó, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận bà Trần Ngọc T có tham gia góp hội do bà Trần Thị Ngọc Nhung làm chủ. Trong số tiền nợ 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), theo lời khai của nguyên đơn được xác định thì có 100.000.000đ là tiền vay và 100.000.000đ là tiền hội bà T đã hót mà không đóng lại cho bà N gọi nợ hội.

[2.2]. Kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên Tòa, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vẫn không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến phản hồi cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú tại Công an thì bà T có hộ khẩu ở xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa nhưng do nợ nần nên đã bỏ đi khoảng 02 tháng nay. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nhà thì ông Lâm Minh Hảo là chồng của bà T cung cấp, ông là chồng hợp pháp của bà T, ông làm nghề tài xế chạy xe suốt ngày nên không biết việc bà T và bà N có quan hệ vay mượn và góp hội nhưng có lần ông thấy bà N đến tìm bà T 02 người trao đổi việc gì thì ông không biết. Do bà T không đến Tòa và cũng không có ý kiến phản hồi về việc có nợ hội và có ký vào biên bản giao nhận tiền hay không. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đưa ra chứng cứ chứng minh yêu cầu mình là phù hợp nên Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận.

Theo quy định, đến kỳ góp hội thì bà T phải có trách nhiệm đóng phần hội của mình cho chủ hội (gọi là hội chết) nhưng bà T đã đóng không đầy đủ là vi phạm về nghĩa vụ của thành viên góp hội. Do đó, căn cứ vào Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường thì bà T phải hoàn trả số tiền mà chủ hội (tức bà N) đã góp thay cho bà T. Nhưng do bà T vẫn không góp cho bà N nên bà N yêu cầu Tòa giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật. Mặc dù nợ hội là 108.000.000đ nhưng theo giấy giao nhận tiền bà N tính tròn 100.000.000đ cộng với 100.000.000đ tiền vay. Tổng cộng là 200.000.000đ, bà N không yêu cầu tính lãi, yêu cầu có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện đối với số tiền 200.000.000đ.

Từ những phân tích nhận định nêu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Cần buộc bị đơn bà Trần Ngọc T phải thanh toán lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim N tổng số tiền là 200.000.000đ (trong đó nợ hui là 100.000.000đ và tiền vay là 100.000.000đ)

[3]. Về án phí: Bị đơn bà Trần Ngọc T phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 229, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui và Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Trần Ngọc T.

1. Buộc bị đơn bà Trần Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim N tổng số tiền là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu) đồng, trong đó tiền nợ hui 100.000.000đ đồng, tiền vay 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

+ Buộc bà Trần Ngọc T phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim N số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2020/0003646 ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-10-2021). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội Thẩm Nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Quỳnh Nga – Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Nguyễn Thị Nga

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Nga